SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN THỦY NGUYÊN
Số: 203 /BVTN-BG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủy Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Hóa chất xét nghiệm

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hóa chất xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Khoa Dược.
- Số điện thoại: 0902365669.
- Email: kdbvtnhp@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp trong giờ hành chính tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên – Thôn 6, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến trước 17h ngày 04 tháng 5 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật
PHẦN 1	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC SỐ 1	Số lượng, danh mục, thông số kỹ thuật chi tiết tại Phụ lục I kèm theo
PHẦN 2	NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY HUYẾT HỌC SỐ 2	
PHẦN 3	NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY ĐIỆN GIẢI EASY LYTE	
PHẦN 4	HÓA CHẤT CHO MÁY XÉT NGHIỆM HBA1C	
PHẦN 5	NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY MIỄN DỊCH ACCESS 2	
PHẦN 6	HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU	
PHẦN 7	NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA CHO MÁY AU480	
PHẦN 8	THUỐC THỬ XÉT NGHIỆM ĐỊNH TÍNH HÒA HỢP, NGHIỆM PHÁP COOMBS VÀ KHÁNG NGUYÊN DU	
PHẦN 9	NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY SINH HÓA BS600	

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

- Địa điểm giao hàng cuối cùng: Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên – Thôn 6, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

- Hàng mới 100%, đóng gói theo quy cách của Nhà sản xuất.

- Hạn sử dụng của hàng hóa còn tối thiểu 6 tháng kể từ ngày giao hàng.

- Hướng dẫn sử dụng tại nơi sử dụng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán vòng 90 ngày kể từ ngày Bệnh viện nhận được hàng hóa cùng chứng từ thanh toán hợp lệ kèm theo.

5. Các thông tin khác.

- Đính kèm theo Phụ lục I: Số lượng, danh mục, thông số kỹ thuật chi tiết của các thiết bị y tế và Phụ lục II: mẫu báo giá;

- Các nhà cung cấp có thể báo giá một hoặc nhiều phần theo danh mục yêu cầu của Bệnh viện. Báo giá phần nào phải có đủ thông tin các hàng hóa của phần đó./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử BV;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN THỦY NGUYÊN

Lê Khắc Tùng

PHỤC LỤC I

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM DỰ KIẾN MUA SẮM BỔ SUNG

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 203 /BVTN-BG ngày 23/4/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC SỐ 1				
1	Hóa chất pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Thành phần hoạt tính: - Nacl.....3.0-5.5g/L - Na2SO4 .....7.5-11.5g/L - Buffering Agents.....1.0-3.0g/L - Chất kháng nấm và vi khuẩn.....0.8-2.5g/L Thùng Hộp: ≥ 20 lít	Thùng	2
2. NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY HUYẾT HỌC SỐ 2				
1	Dung dịch ly giải dụng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương Can ≥ 500ml	Can	60
2	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit. Can ≥ 5 lít	Can	1
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether can ≥ 5 lít	Can	10
4	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate can ≥ 18 lít	Can	110
5	Định nhóm máu (Anti D)	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai BS225. Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO-13485 Lọ ≥ 10ml	Lọ	5

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
6	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Lọ ≥ 2ml	Lọ	5
3. NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY ĐIỆN GIẢI EASY LYTE				
1	Hóa chất điện giải	Gồm dung dịch Standard A 800ml, Standard B 180ml, Wash solution 80ml, bình thải dùng cho máy xét nghiệm điện giải Easylyte Expand. Hộp ≥ 800ml	Hộp	2
2	Bộ kiểm chuẩn chất lượng 2 mức	*Dung dịch kiểm chuẩn test Na, K, Cl, Li, Ca, pH, gồm 2 mức bình thường và bất thường. Hộp ≥ (2x10ml)	Hộp	4
4. HÓA CHẤT CHO MÁY XÉT NGHIỆM HBA1C				
1	Xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần hóa chất: R1/Reagent - Boronate derivative ……0,04 mg - Organic solvent ……6,2 % - Lysing agent ……0,15 % R2/Reagent -Detergent……0,5 % Test device - Bộ lọc (sợi thủy tinh) - Màn lọc (Nylon) - Miếng hấp thụ (sợi thủy tinh). Hộp ≥ 24 test.	Test	2400
5. NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY MIỄN DỊCH ACCESS 2				
1	Dung dịch rửa cho máy miễn dịch	Muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide Hộp ≥ 10 lít	Hộp	16
2	Định lượng AFP	R1a: Hạt từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP, muối đệm Tris, chất diện hoạt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300 R1b: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP gắn phosphatase kiềm, muối đệm phosphat, chất diện hoạt, BSA, protein (dê, thỏ, chuột), < 0,1% natri azide, và 0,25% ProClin 300 Hộp ≥ 2x50test	Hộp	23
3	Định lượng CA 15-3	Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") R1a: Hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, chuột, gắn biotin) đặc hiệu với kháng nguyên CA 15-3, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. R1b: Kháng thể (đơn dòng, chuột) đặc hiệu với kháng nguyên CA 15-3 liên hợp với phosphatase kiềm (bò), albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azide và 0,25% ProClin 300. R1c: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. Hộp ≥ 2x50test	Hộp	5

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125	R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, chuột, gắn biotin) kháng CA 125, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp của: phosphatase kiềm (bò) – kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng CA 125, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. Hộp ≥ (2x50test)	Hộp	24
5	Chất chuẩn Total βhCG (5th IS)	S0: Đệm albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt,< 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300. Chứa 0,0 mIU/mL (IU/L) hCG. S1, S2, S3, S4, S5: hCG ở nồng độ (tương ứng) xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1350 mIU/mL (IU/L), đệm BSA, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300. Hộp ≥ (6x4mL)	Hộp	1
6	Định lượng Free T4	R1a: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, 0,125% natri azide, và 0,125% ProClin 300. R1b: Muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1c: Muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, 0,125% natri azide, và 0,125% ProClin 300. R1d: Chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) – Triiodothyronin, muối đệm TRIS, protein (chim), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1e: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng Thyroxin – T4 gắn biotin, đệm TRIS, protein (chim và chuột), chất hoạt động bề mặt, 0,125% natri azide, và 0,125% ProClin 300. Hộp ≥ (2x50test)	Hộp	24
7	IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa chất dioxetan Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt). Hộp ≥ (4x130mL)	hộp	6
8	Định lượng Total T3	R1a: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng T3 liên hợp với phosphatase kiềm (bò); hạt từ phủ streptavidin, đệm TRIS, protein, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azid và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất tương tự T3 gắn với biotin, đệm TRIS, protein, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azid và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch NaOH 0,4N; 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS). R1d: Dung dịch Hydrochloric acid (HCl) 0,4N Hộp ≥ (2x50 test)	Hộp	23

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. R1b: Muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. R1c: Kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH liên hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azide và 0,25% ProClin 300. R1d: Kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH liên hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azide và 0,25% ProClin 300. Hộp ≥ (2x100test)	Hộp	13
10	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích miễn dịch và máy phân tích tế bào dòng chảy	KOH. Bình ≥ 01 lít	Bình	1
11	Định lượng TnI	- Phạm vi phân tích: 2,3 - 27.027pg/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads được bao phủ bằng kháng thể đơn dòng ở chuột kháng cTnI của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1% R1b: 0,1N NaOH R1c:Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,1%. R1d: Chất cộng hợp giữa kháng thể đơn dòng ở cừu kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt động bề mặt, chất nền BSA, protein (bò, cừu, chuột), natri azit < 0,1% và ProClin 300 0,25%. Hộp ≥ (2x50test)	Hộp	45
12	Định lượng CA 19-9	Hóa chất định lượng CA 19-9;Dải đo: 0,8–2.000 U/mL;Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Thành phần: Natri Azit, ProClin 300, Albumin huyết thanh bò, kháng nguyên kháng CA 19-9, Protein bò, protein dê, Protein chuột Hộp ≥ (2x50test)	Hộp	24
13	Chất chuẩn CA 19-9	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 19-9;Thành phần: Natri Azit, ProClin 300, Albumin huyết thanh bò, kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ khác nhau. Hộp ≥ (6x2.5mL)	Hộp	2
14	Chất chuẩn Hybritech PSA	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng PSA toàn phần;Thành phần: Albumin huyết thanh bò, Natri Azit, ProClin 300, PSA trong huyết thanh ở mức khác nhau Hộp ≥ (6x2.5mL)	Hộp	2

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
15	Định lượng total PSA	Hóa chất định lượng PSA toàn phần;Dải đo: 0,008–150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008–121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO);Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, Natri Azit, BSA, ProClin 300, Liên hợp photphataza kiềm kháng PSA đơn dòng Hộp ≥ (2x50test)	Hộp	16
16	Định lượng ferritin	Hóa chất định lượng Ferritin;Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Dải đo: 0,2–1.500 ng/mL (µg/L);Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin 300, các phức hợp kháng thể đơn dòng của dê kháng ferritin Hộp ≥ (2x50test)	Hộp	14
17	Chất chuẩn Ferritin	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng Ferritin;Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin 300, Ferritin ở các mức nồng độ khác nhau Hộp ≥ (6x4ml)	Hộp	2
18	Định lượng BNP	Hóa chất định lượng BNP; Dải đo: 1 - 5000 pg/mL;Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Thành phần: Albumin huyết thanh bò, ProClin 300, natri azit, Các hạt thuận từ phủ kháng thể BNP kháng người tất cả các dòng ở chuột, cộng hợp bò photphataza kiềm chứa kháng thể BNP kháng người đơn dòng ở chuột Hộp ≥ (2x50test)	Hộp	28
19	Chất chuẩn BNP	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng BNP. Thành phần: Phức hợp BNP người tái tổ hợp ở các mức nồng độ khác nhau, BSA, natri azit, ProClin 300 Hộp ≥ (6x1.5ml)	Hộp	4
6. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1	Chất thử xét nghiệm PT	Thành phần: Thromboplastin, pipes bufer, sodium azide Tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 Hộp ≥ (5x4ml)	Hộp	6
7. NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA CHO MÁY AU480				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ethanol	Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE Hộp ≥ (2x20+2x7ml)	Hộp	7
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride	Phương pháp: Enzymatic; Độ lặp lại: CV ≤ 1,06%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 1,76%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test. Hộp ≥ (4x50ml+4x12.5ml)	Hộp	3
3	Định lượng Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Phosphate Buffer; MADB; 4-Aminophenazone; Peroxidase; Uricase; Ascorbate Oxidase; Phương pháp: Uricase; Dải đo: Huyết thanh, huyết tương: 1,5–30 mg/dL, Nước tiểu: 2–400 mg/dL; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test Hộp ≥ (4x30ml+4x12.5ml)	Hộp	4
4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).; Chất hiệu chuẩn 1 mức Hộp ≥ (2x3ml)	Hộp	2

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
5	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Thành phần: Diadenosine-pentaphosphate 0,01 mmol/L; Hexokinase (HK) ≥ 4 kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; ADP 2 mmol/L; N-Acetylcysteine 0,2 mmol/L; Mg-Acetate 10 mmol/L; Chất hoạt hóa 26 mmol/L; AMP 5 mmol/L; Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M; Dải đo: 10 – 2.000 U/L; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test Hộp ≥ (2x22+2x4+2x6 ml)	Hộp	3
6	Định lượng Cholesterol toàn phần	Phương pháp: Enzymatic; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,7%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,8%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test Hộp ≥ (4x22,5ml)	Hộp	2
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	Phương pháp: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,63%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,4%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test Hộp ≥ (4x18ml+4x18ml)	Hộp	1
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM;Dải đo:0.09 - 15 mg/dL. Hộp ≥ (4x60+4x15ml)	Hộp	3
8.THUỐC THỬ XÉT NGHIỆM ĐỊNH TÍNH HÒA HỢP, NGHIỆM PHÁP COOMBS VÀ KHÁNG NGUYÊN DU				
1	Thuốc thử xét nghiệm định tính hòa hợp, nghiệm pháp Coombs và kháng nguyên Du	Là một hỗn hợp cân bằng của Globulin có độ tinh khiết cao gồm Anti IgG và Anti-C3d. Hiệu giá:Anti-IgG ≥ 1:256 Anti-C3d ≥ 1:16 Độ đặc hiệu: đa đặc hiệu với IgG người và các thành phần bổ thể C3d Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016. Lọ ≥10ml	lọ	10
9. NHÓM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY SINH HÓA BS600				
1	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trên máy sinh hóa; R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1 x5ml; tỉ lệ R2/R1: 1/1 dải đo: 44 - 1326 umol/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8,73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312,5 mmol/L - Disodium phosphate: 12,5 mmol/L Chất chuẩn:Std - Creatinine: 2 mg/dL Hộp ≥ (2 x 125 ml)	Hộp	3
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥2000 U/l Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L Hộp ≥ (5x100ml + 1x127ml)	Hộp	1

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; dải đo: 10-450 U/L Thành phần: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L. Hộp ≥ (5x100ml + 1x127ml)	Hộp	1
4	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Hoá chất kiểm chuẩn thông thường cho các xét nghiệm thường quy; Thành phần: Huyết thanh người đông khô Lọ ≥ 5ml	Lọ	8
5	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Hoá chất kiểm chuẩn bất thường cho các xét nghiệm thường quy; Thành phần: Huyết thanh người đông khô Lọ ≥ 5ml	Lọ	5

PHỤ LỤC II: MẪU THÔNG TIN CHÀO GIÁ

(kèm theo Yêu cầu báo giá số 203 /BVTN-BG ngày 24/4/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Thủy Nguyên)

STT	Danh mục thiết bị y tê	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (VNĐ)	Mã kê khai	Giá kê khai	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
	Tổng cộng:.....												